

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐOAN HÙNG  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST

Ngày 07-01-2022

*V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG, TỈNH PHÚ THỌ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Viết Anh

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Vũ Quang Yên

Ông Trần Anh Quang

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Yến – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 317/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2021 về việc tranh chấp về yêu cầu ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/12/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H1** – sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn 02, xã P, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

- Bị đơn: Anh **Lưu Thành K** – sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn 02, xã P, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

*(Chị H1 có mặt, anh K vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H1 trình bày:

Chị và bị đơn là anh Lưu Thành K kết hôn với nhau vào năm 2009 trên cơ sở hai bên đều hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Sau ngày cưới, vợ chồng chị ở chung với bố mẹ chồng tại xã P. Quá trình chung sống, hai bên sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm

2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, anh K đi làm ăn xa về thường xuyên gây sự, chửi bới chị, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Từ tháng 5/2021 chị và các con đã về nhà bố mẹ đẻ ở thôn T1, xã H2, huyện S, tỉnh Tuyên Quang để ở. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay.

Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn anh K.

- Về con chung: Chị H1 xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Lưu Bích T2, sinh ngày 23/3/2010 và Lưu Yến N, sinh ngày 11/7/2014. Hiện hai cháu đang ở với chị và ông bà ngoại. Ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị H1 không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, xác định:*

+ Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H1 và anh Lưu Thành K.

- Về con chung: Giao cho chị H1 tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Lưu Bích T2, sinh ngày 23/3/2010 và Lưu Yến N, sinh ngày 11/7/2014. Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con cùng.

- Về tài sản chung, về vay nợ chung: Chị H1 không đề nghị nên không phải giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H1 phải nộp theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H1 cư trú tại thôn 02, xã Phúc L, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là anh Lưu Thành K ở cùng địa chỉ nên đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Lưu Thành K hiện vẫn đăng ký hộ khẩu tại thôn 02, xã P, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Quá trình giải quyết, anh K không có mặt nhưng Tòa án đã tổng đạt các quyết định, thông báo của Tòa án cho anh K theo quy định của pháp luật.

Anh K hiện đi làm ăn nhưng vẫn thỉnh thoảng về địa phương. Anh K biết việc chị H xin ly hôn nhưng cố tình không đến Tòa án để giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, anh K tiếp tục vắng mặt, không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Do vậy, Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh K.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H1 và anh Lưu Thành K kết hôn với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phúc L, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ, là một cuộc hôn nhân hợp pháp. Hai bên chung sống hòa thuận đến năm 2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Hai bên đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn. Xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy tình trạng hôn nhân của anh chị hiện đã rạn nứt, mỗi người một nơi.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H1 và anh K đã mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài, không còn khả năng hàn gắn nữa. Việc chị H1 xin ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Lưu Bích T2, sinh ngày 23/3/2010 và Lưu Yến N, sinh ngày 11/7/2014. Hiện hai cháu đang ở với chị và ông bà ngoại. Ly hôn, chị H1 xin được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu. Xét thấy, chị H1 đang là người trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu, anh K đi làm ăn xa, không trực tiếp nuôi dạy con. Nguyên vọng của hai cháu đều muốn ở với mẹ. Chị H có chỗ ở, thu nhập ổn định. Bố mẹ chị H1 là bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Quốc H3 có đơn bảo lãnh hỗ trợ chị trong việc chăm sóc, nuôi dạy hai cháu. Chị H1 có đủ điều kiện để nuôi con. Vì vậy, ly hôn sẽ giao cho chị H1 tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu là hợp tình, hợp lý.

Việc chị H1 không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, không trái pháp luật nên cần chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị H1 không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau này, nếu chị H1, anh K có đơn đề nghị, Tòa án sẽ xem xét, giải quyết bằng một vụ án khác.

[2.4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H1 phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H1 và anh Lưu Thành K.

2- Về con chung: Giao cho chị H1 tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Lưu Bích T2, sinh ngày 23/3/2010 và Lưu Yến N, sinh ngày 11/7/2014. Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con cùng. Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3- Về tài sản chung, vay nợ chung: Không phải giải quyết.

4- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H1 phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai số AA/2020/0003971 ngày 18/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đoan Hùng. Chị H1 đã nộp đủ án phí.

Chị H1 có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh K vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- VKS ND huyện Đoan Hùng;
- VKS ND tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục Thi hành án DS huyện;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký)*

**Nguyễn Viết Anh**